

Số: 911 /TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

Điện thoại: 024.39714512 - Fax: 024.39716140;

Email: qlclnifc@gmail.com;

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực:
Hóa học, sinh học (Phụ lục danh mục sản phẩm, hàng hóa kèm theo).

2. Số đăng ký: 111/TN – TĐC.

3. Giấy chứng nhận cấp lần tám và có hiệu lực đến ngày 13/11/2022./

Nơi nhận:

- Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Linh

Phụ lục
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 911 /TĐC - HCHQ ngày 30/3/2020
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
I	Lĩnh vực: Sinh học		
1.	Đường	Định lượng vi khuẩn ưa nước ưa nhiệt (TAB) và vi khuẩn sinh Guaiacol (GP-TAB) trong sản phẩm đường	ICUMSA GS2/3-50:2017
2.		Định lượng vi khuẩn sinh bào tử ưa nhiệt trong sản phẩm đường tinh chế	ICUMSA GS2/3-49:1998
3.	Thực phẩm, sữa và sản phẩm sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe	Phát hiện <i>Listeria</i> <i>monocytogenes</i> trong thực phẩm Kỹ thuật Real time PCR	NIFC.06.M.85 (MLG 8A.06, FSIS)
4.	Nước và các loại rau quả	Phát hiện <i>Cyclospora</i> <i>Cryptosporidium</i> trong sản phẩm tươi và nước	BAM 19A
5.		Phát hiện <i>Cryptosporidium</i> và <i>Giardia</i> trong nước	EPA 1623
6.	Nước uống tinh khiết, nước uống đóng chai và đóng bình	Định lượng <i>Escherichia coli</i> và <i>Coliform</i> trong nước Phương pháp MPN	ISO 9308-2:2012
7.	Khẩu trang	Khả năng bảo vệ chống nhiễm khuẩn (Hiệu quả ngăn cản vi khuẩn của khẩu trang - BFE)	BS EN 14683:2019

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
8.	Thực phẩm, thức ăn chăn nuôi	Định tính SarsCov	Real time RT -PCR panel for detection 2019 novel coronavirus
9.	Thực phẩm	Phát hiện Virus tả lợn châu phi (ASFV) trong thực phẩm bằng kỹ thuật Real time PCR	NIFC.06.M.333
10.	Thực phẩm, thực phẩm chức năng, nguyên liệu thực phẩm, vi chất bổ sung vào thực phẩm, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, muối, gia vị, đường, chè (chè tươi, chè chế biến, các sản phẩm trà từ thực vật khác), cà phê, cacao, hạt tiêu, điều, nông sản khác.	Phát hiện <i>Salmonella</i> trong thực phẩm bằng kỹ thuật Real time PCR	NIFC.06.M.332
II Lĩnh vực: Hóa học			
11.	Sữa và sản phẩm sữa (Sữa tươi nguyên liệu, sữa chế biến, thực phẩm bổ sung)	Xác định đa dư lượng hoá chất bảo vệ thực vật: - Nhóm Carbamate: Aldicarb, Carbofuran, Indoxacarb, Carbaryl, Propoxur, Methomyl, Fenobucarb, Methiocarb, Isoprocarb, Aldicarb, sulfoxide; Carbosulfan, Pirimicarb, Propamocarb	NIFC.04.M.023 (AOAC 2007.01 TCVN 9333:2011)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
	Sữa và sản phẩm sữa (Sữa tươi nguyên liệu, sữa chế biến, thực phẩm bổ sung)	- Nhóm Lân: chlorpyrifos, chlorpyrifos methyl, parathion, Parathion methyl, malathion, fipronil, Dichlorvos, Dimethoat, Triclorfon (Metrifonat), methyl parathion, fenchlorphos, fenitrothion, Edifenphos, methamidophos, profenophos, Diazinon, Disulfoton, Ethion, Ethoprophos, Fenthion, Methidathion, Mevinphos, Phorat; Diclorvos, Pirimiphos-methyl, Profenofos - Nhóm Hoa cúc: Cypermethrin và alpha cypermethrin, Permethrin, Deltamethrin, Fenvalerat, Bifenthrin, Cyfluthrin, Fenpropathrin, Flucythrinate, Flumethrin, Cyhalothrin; - Nhóm Clo: DDT, BHC, Endrin, Dieldrin, Aldrin, Endosulfan, heptachlor, Dicofol, Chlordane, Chlorothanonil; Aminopyralid, Lindan - Nhóm Neonicotinoid: Thiacloprid, Imidacloprid - Nhóm Strobilurin: Kresoxim-methyl, Pyraclostrobin, Trifloxystrobin - Nhóm Triazole: Bitertanol, Difenoconazol, Fenbuconazol, Myclobutanil, Penconazol,	NIFC.04.M.023 (AOAC 2007.01 TCVN 9333:2011)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
	Sữa và sản phẩm sữa (Sữa tươi nguyên liệu, sữa chế biến, thực phẩm bổ sung)	Triadimefon, Triadimenol, Flusilazol - Nhóm Phân cực: Clomequat, Diquat, Paraquat, Glyphosate, Glufosinat amoni - Nhóm khác: Atrazin, Azoxystrobin, Acetochlor, Abamectin, Acetamiprid, Carbendazim, Carboxin, Emamectin, Imidachlorprid, Tebuconazole, Thiabendazol, Thiamethoxame, Acephat, Dinotefuran, Diphenylamin, Terbufos, Thiabendazole, Trifluralin, Iprodion, Diafenthiuron, Dicofol, 2-Phenylphenol, piperonyl butoxid, Fipronil, metalaxyl, Oxamyl, Prochloraz, Propargit, Propiconazole, Isoproturon; Aminopyralid, Amitraz, Bentazon, Bifenazat, Bifenthrin, Clormequat, Clorpropham, Clorpyrifos, Clorpyrifos-methyl, Clethodim, Clofentezin, Cyhexatin, Cyprodinil, Cyromazin, Dimethenamid-p, Dimethipin, Dimethomorph, Dithiocarbamat, Ethephon, Fenamiphos, Fenbutatin oxid, Fenpropimorph, Fludioxonil, Flutolanil, Glufosinat-amoni, Methoxyfenozid, Novaluron, Oxydemeton-methyl, Procloraz, Pyrimethanil, Quinoxifen, Spinosad, Tebufenozid, Triadimenol, Vinclozolin, Clordan, Diflubenzuron, Famoxadin	NIFC.04.M.023 (AOAC 2007.01 TCVN 9333:2011)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
		(Famoxadon), Fenhexamid, Fenpyroximat, Heptaclor, Methopren, Bifenthrin, Bitertanol, Diquat, 2,4-D, Paraquat... Phương pháp GC-MS/MS và LC-MS/MS	
12.	Thực phẩm (thịt và sản phẩm từ thịt, thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, sữa và sản phẩm từ sữa (sữa tươi nguyên liệu, sữa chế biến, thực phẩm bổ sung), thực phẩm bảo vệ sức khỏe, nước ăn uống, nước sinh hoạt, nước thải, thức ăn chăn nuôi	Xác định đa dư lượng kháng sinh, hormone: - Kháng sinh nhóm Macrolids và lincosamids: Azithromycin, Erythromycin, Roxithromycin, Spiramycin, Tylosin, Lincomycin. - Kháng sinh nhóm Penicillin: Benzylpenicilin (Penicillin G), Procaine Penicillin G. - Kháng sinh nhóm Sulfonamids: Sulfacetamide, Sulfisomidine, Sulfathiazole, Sulfadiazine, Sulfaguanidine, Sulfapyridine, Sulfamerazine, Sulfamethoxazole, Sulfameter, Sulfamethoxypyridazine, Sulfisoxazole, Sulfadimethoxine, Sulfachloropyridazine, Sulfamonomethoxine, Sulfadimidin - Kháng sinh nhóm khác: Monensin, Fenbendazol, Oxfendazol, Flubendazole, Thiabendazol, Febantel, Eprinomectin, Doramectin, Diminazen, Ivermectin, Isometamidium, Imidocarb,	NIFC.04.M.010

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
		Ceftiofur, Pirlimycin. - Hormone: Dexamethasone... Phương pháp LC-MS/MS	
13.	Thực phẩm (sữa và sản phẩm sữa (sữa tươi nguyên liệu, sữa chế biến, thực phẩm bổ sung), thịt và sản phẩm thịt, thủy sản và sản phẩm thủy sản, trứng,..), thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thức ăn chăn nuôi	Xác định dư lượng kháng sinh nhóm Aminoglycoside: Streptomycin, Neomycin, Gentamycin, Spectinomycin, Dihidrostreptomycin, ... Phương pháp LC-MS/MS	NIFC.04.M.003
14.	Mỹ phẩm, cồn, nước rửa tay	Xác định hàm lượng dung môi (ethanol, methanol, isopropanol,...) Phương pháp GC-FID	NIFC.04.M.049

Ghi chú:

- Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành, Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia phải tuân thủ các quy định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trước khi thực hiện hoạt động thử nghiệm;

- ICUMSA: The International Commission for Uniform Methods of Sugar Analysis Ltd;

- AOAC: Association of Official Analytical Chemists;

- BAM: FDA's Bacteriological Analytical Manual;

- BS: British Standard;

- EN: European Standard;

- NIFC.xxx: Phương pháp thử nghiệm nội bộ của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

